TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 603/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thu Ánh

2. Bà Lâm Thị Ngọc Minh

Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đức M, sinh năm 1990; địa chỉ: 183/13E đường Đ, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1991; địa chỉ: 156 đường Q, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, bản tự khai và các biên bản khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ông Trần Đức M trình bày:

Ông và bà Trần Thị Bích P tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 17/10/2016.

Trong quá trình chung sống, ông M và bà P xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách dẫn đến việc vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ông Mvà bà P đã sống ly thân hơn 6 tháng. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng nhưng không thành, nay nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài cuộc hôn nhân chỉ làm tổn thường lẫn

nhau nên ông M làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông M được ly hôn với bà Trần Thị Bích P.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải và Bản tự khai ngày 29/6/2018, Bà P trình bày:

Bà P và ông Trần Đức M chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn đúng như ông Mtrình bày.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, thật sự sống chung với nhau là 3 tháng; sau đó ông M đi làm ăn xa nên không chung sống với nhau dẫn đến việc ông M và bà P không còn tin tưởng nhau. Giữa bà P và gia đình chồng có nhiều bất hòa. Bà P không cố gắng níu kéo cuộc hôn nhân để ông M và bà P trở lại cuộc sống hôn nhân hạnh phúc như trước; tuy nhiên bà P cần thời gian suy nghĩ để bà P có thể chấm dứt cuộc hôn nhân này.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần Đức M được ly hôn với bà Trần Thị Bích P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Đức M nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Bích P đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà P hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cũng như giấy triệu tập để triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hôm nay nhưng bị đơn vắng mặt

không thông báo lý do. Ngày 02/4/2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 118 đăng ký ngày 17/10/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đức M và bà Trần Thị Bích P là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng là yếu tố cơ bản của hôn nhân và phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Xét thấy ông Mvà bà P đã không còn tình cảm với nhau, đã ly thân hơn một năm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông Mvà bà P là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, tính cách, quan điểm sống. Ông M và bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn; ông M kiên quyết xin ly hôn để cả hai được giải thoát, riêng bà P cần thời gian suy nghĩ về cuộc hôn nhân này. Tòa đã tạo điều kiện để hai bên có thời gian suy nghĩ để hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy ông M và bà P không thực tế chung sống với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đức M được ly hôn bà Trần Thị Bích P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Đức M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đức M;

Ông Trần Đức M được ly hôn với bà Trần Thị Bích P (Giấy chứng nhận kết hôn số 118 đăng ký ngày 17/10/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà Trần Thị Bích P được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

4. Về án phí: ông Trần Đức M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Mđã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0008504 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 14, Quận 6, TP. HCM
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Thu Thủy